

Số: 71 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 22 tháng 5 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đất Thành ngày 03 tháng 4 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 2521./TTr-CCBVMT ngày 19 tháng 5 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đất Thành, địa chỉ trụ sở chính tại Căn A1-22 Khu nhà ở thương mại Đất Thành, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Khu nhà ở Đất Thành tại xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở Đất Thành

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 3702668900 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 2018, đăng ký thay đổi





lần thứ 4 ngày 07 tháng 12 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3702668900

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đầu tư Khu nhà ở với đầy đủ hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu sinh sống của người dân khu vực và lân cận.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án 93.671,9 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công). Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1045/QĐ- STNMT ngày 13 tháng 8 năm 2019.

- Công suất: Khu nhà ở gồm 435 căn nhà liên kế (2 - 3 tầng), 1 trường mầm non diện tích 1.362,98m<sup>2</sup>, dân số 1.800 người.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đất Thành được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đất Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

H.C.N  
SỞ  
YÊN  
TRƯỜNG  
H.Đ.Đ

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 22 tháng 5 năm 2023 đến ngày 22 tháng 5 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Khu nhà ở thương mại Đất Thành tại xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đất Thành;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Trừ Văn Thố;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang6.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**



**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU  
CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,  
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 71 /GPMT-STNMT ngày 22 tháng 5 năm  
2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 2: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, nước thải tắm giặt,... với lưu lượng lớn nhất khoảng 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 3: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải với lưu lượng khoảng 70 lít/tuần.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Suối Thôn, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương sau đó chảy vào sông Bé.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Hồ ga thuộc công trình nâng cấp tuyến mương thoát nước hiện hữu thành mương hộp ngoài ranh dự án dẫn ra mương thoát nước chung do Ủy ban nhân dân xã Trừ Văn Thố quản lý dài 980m (xây đá hộc hình thang rộng 3 m - 3,5m), sau đó thoát ra suối Thôn (đã được Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng chấp thuận đầu nối tại Văn bản số 3886/UBND-KT ngày 07 tháng 12 năm 2022).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 1249951.86, Y(m) = 592787.04 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 470 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (trung bình 19,6 m<sup>3</sup>/giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1) được dẫn bằng tuyến ống uPVC D200mm dài 20m đầu nối vào tuyến cống hộp BTCT (kích thước 1200mm x 1400mm, dài 566,4m) thoát vào đoạn mương dẫn hạ lưu xây đá hộc hình thang (rộng 3,15m - 3,50m dài 47m) → Mương thoát nước chung do xã Trừ Văn Thố quản lý dài 980m (xây đá hộc hình thang rộng 3 m - 3,5m) → Suối Thôn.

- Hình thức xả: Tự chảy.



2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24h/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sulfua (H <sub>2</sub> S)	mg/L	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Coliform	MPN/100mL	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải đen phát sinh từ hoạt động nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống uPVC đường kính 110mm dẫn về bể tự hoại đặt dưới mỗi căn hộ và trường học để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải (*tự chảy theo độ dốc*) bằng tuyến cống HDPE D200mm.

- Nguồn số 2: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, nước thải tắm giặt,... đầu nối vào hố ga thoát nước thải chung của dự án bằng tuyến ống uPVC D160mm, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải (*tự chảy theo độ dốc*) bằng tuyến cống HDPE D200mm.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đen (*sau bể tự hoại*) + Nước thải xám → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng →



Hồ ga thuộc công trình nâng cấp tuyến mương thoát nước hiện hữu thành mương hộp ngoài ranh dự án mương thoát nước chung do Ủy ban nhân dân xã Trừ Văn Thố quản lý, sau đó thoát ra suối Thôn.

- Công suất thiết kế:  $470 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng (mật rỉ), Javen, NaOH.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể kỵ khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Dự kiến từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Mẫu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại hố thu gom).

- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng) (theo vị trí được cấp phép tại phần A của phụ lục này, tọa độ:  $X(m) = 1258831.42$ ,  $Y(m) = 592789.13$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải)

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu



*chính do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải).*

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại hố thu gom và 03 mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của khu nhà ở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 71 /GPMT-STNMT ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ bể thu gom, bể tách mỡ, bể điều hòa, bể Anoxic, bể Aerotank, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải của dự án.

### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

**2.1. Vị trí xả khí thải:** Tại ống xả thải của hệ thống xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải:  $X(m) = 1258831.42$ ,  $Y(m) = 592789.13$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^\circ$ , múi chiều  $3^\circ$ ).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**  $500 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B,  $k_p=1$ ,  $k_v=1,2$  và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	$\text{H}_2\text{S}$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	9	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	$\text{NH}_3$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	60		
3	$\text{CH}_3\text{SH}$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	15		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về hệ thống xử lý:

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ bể thu gom, bể tách mỡ, bể điều hòa, bể Anoxic, bể Aerotank, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải chủ yếu là  $\text{H}_2\text{S}$ ,  $\text{NH}_3$ ,  $\text{CH}_3\text{SH}$  sẽ được thu gom bằng các ống thông hơi về ống chính uPVC D90mm bằng quạt hút ly tâm (công suất  $500 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ) dẫn về tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



Khí thải (mùi hôi) → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút (lưu lượng  $500\text{m}^3/\text{giờ}$ ) → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH 3 - 5% (tháp hình trụ,  $D=0,7\text{m}$ , chiều cao  $1,5\text{m}$ ) → Ống phát thải (Ống uPVC  $D114\text{mm}$ , chiều cao  $3\text{m}$ ).

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH 3-5% với khối lượng  $1.680\text{kg}/\text{năm}$ , tần suất thải bỏ khoảng 2 tuần/lần.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải (dự kiến từ 01/10/2023 đến 31/12/2023).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:  $X(\text{m}) = 1258831.42$ ,  $Y(\text{m}) = 592789.13$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của hệ thống xử lý mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

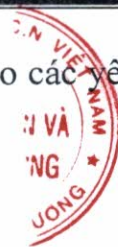
3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động



sản xuất hoặc gây ô nhiễm môi trường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



9



## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 71 /GPMT-STNMT ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Khu vực hệ thống xử lý nước thải (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tọa độ: X(m) = 1258831.42, Y(m) = 592789.13 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°)

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; tạo khoảng cách cách ly và trồng cây xanh trong khuôn viên trạm xử lý nước thải theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng - QCVN 01:2021/BXD.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 71 /GPMT-STNMT ngày 22 tháng 5 năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	60	Rắn	08 02 04	KS
2	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	36	Lỏng	16 01 10	KS
3	Pin, ắc quy chì thải	60	Rắn	16 01 12	NH
4	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; Bóng đèn thải	240	Rắn	16 01 13	NH
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	20	Lỏng	17 02 03	NH
6	Bao bì mềm có các thành phần nguy hại (chất tẩy rửa, sát trùng, phân bón,...)	50	Rắn	18 01 01	KS
7	Bao bì kim loại có các thành phần nguy hại (bình xịt côn trùng/lon sơn thải,...)	50	Rắn	18 01 02	KS
8	Bao bì cứng chứa thành phần nguy hại (thùng sơn thải, bao chứa hóa chất, chai lọ đựng hóa chất, vỏ chai, bao bì	100	Rắn	18 01 03	KS

	thuốc bảo vệ thực vật...).				
9	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	50	Rắn	18 02 01	KS
10	Dung dịch hóa chất (NaOH) thải bỏ	1.680	Lỏng	19 05 03	KS
	<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>	<b>2.346</b>			

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	72.927
2	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	3.650
	<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		<b>76.577</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các căn hộ bao gồm: rác hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...*), rác vô cơ (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...*), khối lượng khoảng 1.800 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ trường mầm non khoảng 45kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng loại 60 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 5 m<sup>2</sup> (đặt trong nhà điều hành của Hệ thống xử lý nước thải).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**



## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng loại 240 lít (có nắp đậy) để lưu chứa dầu mỡ thải; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được chứa trong bể chứa bùn.
- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: lưu chứa trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:** Trang bị 03 thùng loại 60 lít chứa chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên quản lý vận hành Hệ thống xử lý nước thải đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

## **2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại**

- Xây dựng quy định quản lý khu nhà ở; hướng dẫn các hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, trang bị các bao bì, thùng chứa (dán nhãn theo từng loại rác thải) phù hợp để lưu giữ các loại chất thải. Rác sinh hoạt từ các hộ dân được thu gom và phân loại (rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải phải xử lý, chất thải nguy hại), lưu trữ tại nhà, sau đó chuyển giao cho đơn vị thu gom rác của địa phương; riêng chất thải nguy hại sẽ được người dân mang đến kho lưu chứa tập trung đặt tại nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải. Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ được nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải thu gom về kho lưu chứa. Bùn thải từ hệ thống xử lý được chứa trong bể chứa bùn.

- Chủ đầu tư khu nhà ở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và



biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.



## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 71 /GPMT-STNMT ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
5. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
8. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
9. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
10. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.
11. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.